NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN
193-203 Trần Hưng Đạo Q.1 TP.HCM
MST : 0301437033

Mẫu số : B03/TCTD
Ban hành theo QĐ số 16/2007/QĐ - NHNN
Ngày 18-04-2007 của Thống đốc NHNN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2009

ĐVT : Triệu đồng

Các chỉ tiêu	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2009	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2008
1/ Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	1,144,108	1,240,027	3,449,886	2,976,471
2/ Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	(826,565)	(969,488)	(2,536,435)	(2,266,870)
I/ Thu nhập lãi thuần	**317,542**	**270,539**	**913,451**	**709,601**
3/ Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	18,383	27,807	37,264	151,625
4/ Chi phí hoạt động dịch vụ	(6,296)	(2,212)	(13,371)	(6,088)
II/ Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	**12,087**	**25,595**	**23,892**	**145,537**
III/ Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**17,338**	**8,843**	**39,746**	**41,169**
IV/ Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	**38,361**	**14,556**	**38,361**	**14,540**
V/ Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	-	-	-
5/ Thu nhập từ hoạt động khác	6,593	8,311	30,447	38,442
6/ Chi phí hoạt động khác	(362)	(827)	(858)	(1,248)
VI/ Lãi/ Lỗ thuần từ hoạt động khác	**6,230**	**7,484**	**29,589**	**37,194**
VII/ Thu từ góp vốn, mua cổ phần	**812**	**1,039**	**994**	**2,766**
VIII/ Chi phí hoạt động	**(134,818)**	**(132,971)**	**(354,409)**	**(394,598)**
IX/ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	**257,553**	**195,086**	**691,625**	**556,209**
X/ Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**(37,415)**	**(8,551)**	**(91,366)**	**(48,086)**
XI/ Tổng lợi nhuận trước thuế	**220,138**	**186,535**	**600,258**	**508,123**
7/ Chi phí thuế TNDN hiện hành	(55,035)	(52,228)	(150,065)	(142,272)
8/ Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
XII/ Chi phí thuế TNDN	**(55,035)**	**(52,228)**	**(150,065)**	**(142,272)**
XIII/ Lợi nhuận sau thuế	**165,103**	**134,307**	**450,194**	**365,850**

TP.HCM, ngày 16 tháng 10 năm 2009

Lập bảng	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trần Thị Kim Thu	NGUYỄN THẾ LINH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN
193-203 Trần Hưng Đạo, Q1, TP.HCM
MST:0301437033

BIỂU SỐ B02/TCTD
Ban hành theo QĐ 16/2007/QĐ -NHNN
Ngày 18 tháng 4 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
QUÝ 3 NĂM 2009

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Cuối quý	Đầu năm
I - Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	**294,279**	**130,301**
II - Tiền gửi tại NHNN	**399,993**	**568,930**
III - Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	**1,816,396**	**4,671,306**
* Tiền, vàng gửi tại các TCTD	1,816,396	4,671,306
* Cho vay các TCTD khác	-	-
* Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác(*)	-	-
IV - Chứng khoán kinh doanh	**360**	**852**
* Chứng khoán kinh doanh	360	3,248
* Dự phòng giảm giá CK kinh doanh(*)	-	(2,396)
V - Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	**3,542**	**1,503**
VI - Cho vay khách hàng	**30,249,410**	**23,100,710**
* Cho vay khách hàng	30,520,377	23,278,254
* Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng(*)	(270,967)	(177,544)
VII-Chứng khoán đầu tư	**5,609,731**	**4,181,835**
*CK sẵn sàng để bán	5,612,773	4,178,854
* CK giữ đến ngày đáo hạn	2,453	2,981
* Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(5,496)	-
VIII- Góp vốn, đầu tư dài hạn	**717,702**	**700,906**
* Vốn góp liên doanh	-	-
* Đầu tư dài hạn khác	717,702	704,006
* Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác(*)	-	(3,100)
IX - Tài sản cố định	**628,168**	**572,146**
1/ Tài sản cố định hữu hình	350,330	343,770
* Nguyên giá TSCĐ	409,059	381,998
* Hao mòn TSCĐ	(58,729)	(38,228)
2/ Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
* Nguyên giá TSCĐ	-	-
* Hao mòn TSCĐ	-	-
3/ Tài sản cố định vô hình	277,838	228,375
* Nguyên giá TSCĐ	282,366	231,542
* Hao mòn TSCĐ	(4,528)	(3,167)
X- Tài sản có khác	**7,429,897**	**4,667,564**
1/ Các khoản phải thu	5,791,798	3,666,032
2/ Các khoản lãi và phí phải thu	1,192,902	815,153
3/ Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
4/ Tài sản có khác	445,197	186,379
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**47,149,477**	**38,596,053**

Chỉ tiêu	Cuối quý	Đầu năm
B/ NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	-	-
I-Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-
II- Tiền gửi và vay các TCTD khác	**9,332,680**	**7,775,638**
1/ Tiền gửi của các TCTD khác	9,124,210	7,775,638
2/ Vay TCTD khác	208,470	-
III - Tiền gửi của khách hàng	**31,449,947**	**22,969,093**
IV - Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-
V - Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	**267,519**	**214,027**
VI - Phát hành giấy tờ có giá	**269,271**	**3,647,189**
VII - Tài sản nợ khác	**1,054,589**	**1,180,938**
1/ Các khoản lãi và phí phải trả	759,777	978,528
2/Thuế TNDN hoãn lãi phải trả	-	-
3/ Các khoản phải trả và công nợ khác	291,903	197,445
4/ Dự phòng rủi ro khác	2,908	4,965
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**42,374,005**	**35,786,885**
VIII- Vốn và các quỹ	**4,775,472**	**2,809,167**
1/ Vốn của TCTD	3,977,512	2,459,970
* Vốn điều lệ	3,635,429	2,180,683
* Vốn đầu tư XDCB	-	-
* Thặng dư vốn cổ phần	429,792	335,287
* Cổ phiếu quỹ	(87,709)	(56,000)
* Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Vốn khác	-	-
2/ Quỹ của TCTD	232,060	95,828
3/ C/lệch TG hối đoái vàng bạc, đá quý	55,086	0
4/ Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
5/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	510,813	253,369
a. Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	60,619	471,437
b. Lợi nhuận kỳ này	450,194	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**47,149,477**	**38,596,053**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

Chỉ tiêu	Cuối quý	Đầu năm
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	**347,902**	**607,098**
1/ Bảo lãnh vay vốn	-	55,100
2/ Cam kết trong nghiệp vụ L/C	200,032	421,448
3/ Bảo lãnh khác	147,870	130,549
II/ Các cam kết đưa ra	**330,847**	**310,480**
1/ Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-
2/ Cam kết khác	330,847	310,480

TP.HCM, ngày 16 tháng 10 năm 2009

Lập bảng	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
		NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN

Chỉ tiêu	Cuối quý	Đầu năm

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Trần Thị Kim Thu

NGUYỄN THẾ LINH